

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 156/2023/HNGĐ-ST
Ngày 24 - 3 - 202
V/v L hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhiên
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Minh Tuấn
Ông Hà Bửu Khánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Trần Thúy An – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 284/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2022 về ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lê Phát Đ, sinh năm 1989 (có mặt).

Địa chỉ: A09, KV 2, phường TN, quận BT, TP CT

- Bị đơn: Chị Vương Khắc Q, sinh năm 1991 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố NO, TT GR, huyện GR, tỉnh KG

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 15/4/2022 anh Lê Phát Đ trình bày: Anh Đ và chị Q tự tìm hiểu được hai bên gia đình chấp nhận tiến tới hôn nhân có tổ chức lễ cưới vào năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường TN, quận BT, TP CT ngày 07/02/2020. Trong thời gian chung sống anh và chị Q không được hạnh phúc thường siêng cự cãi nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng chưa thật sự hiểu

nhau nên khi về chung sống không phù hợp tính ý, bất đồng về quan điểm sống, kể cả những việc nhỏ trong gia đình. Mặc dù, vợ chồng đã cho nhau nhiều cơ hội để khắc phục sửa chữa nếu kéo hôn nhân nhưng không có kết quả mà ngược lại ngày càng mâu thuẫn trầm trọng hơn và cả hai đã sống ly thân từ tháng 4/2022 đến nay. Nay anh xét thấy không thể tiếp tục chung sống vợ chồng với chị Q và mục đích hôn nhân không Đ được nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Vương Khắc Q.

Về con chung anh Đ xác định anh và chị Q có một người con chung Lê Ánh X, sinh ngày 19/5/2020, hiện con đang sống cùng với anh, anh yêu cầu được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị Q phải cấp dưỡng nuôi con. Tháng 6/2021, chị Q bỏ về nhà cha mẹ ruột ở thị trấn Giồng Riềng sinh sống và để con lại cho anh nuôi đến nay, chị Q không hề quay lại thăm nom con. Hiện tại chị Q đang nuôi 02 người con riêng của chồng trước và không có việc làm ổn định, không đảm bảo nuôi con anh yêu cầu được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con, không yêu cầu chị Q phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại anh sống cùng với cha mẹ ruột ở thành phố Cần Thơ và có công việc làm, thu nhập ổn định 6.000.000/01 tháng, đảm bảo điều kiện để nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 18/5/2022 và tại biên bản hòa giải ngày 18/5/2022 chị Vương Khắc Q bị đơn trình bày: Chị xác định trình bày của anh Đ về hôn nhân; con chung; tài sản chung và nguyên nhân mâu thuẫn là đúng. Tuy nhiên, theo chị việc mâu thuẫn giữa vợ chồng không có gì trầm trọng và hiện tại chị vẫn còn tình cảm với anh Đ nên chị không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh Đ.

Về con chung chị xác định chị và anh Đ có một người con chung Lê Ánh X, sinh ngày 19/5/2020. Nếu trường hợp anh Đ kiên quyết ly hôn thì chị yêu cầu được nuôi con yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Hiện tại chị sống cùng cha mẹ ruột tại thị trấn Giồng Riềng và trông coi phụ giúp công việc kinh doanh của cha mẹ hàng tháng cha mẹ cho khoảng 15.000.000 đồng để chi tiêu chứ không có hợp đồng lao động hay bảng lương.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt đến lần thứ hai không vì lý do bất khả kháng.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Hội đồng xét xử, thẩm phán, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tòa án đã tổng Đ hợp lệ cho bị đơn nhưng bị đơn vắng mặt. Đối với nguyên đơn có đơn đề nghị vắng mặt, nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Anh Đ và chị Q tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn theo quy định, nên xác định hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng không được hạnh phúc. Nguyên nhân anh Đ cho rằng vợ chồng không phù hợp tính nết, bất đồng quan điểm sống, chị Q ghen tuông vô cớ kiểm chuyện cự cãi nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6/2021 đến nay. Trong quá trình tố tụng Tòa án đã thông báo đầy đủ các thủ tục tố tụng cho chị Q nhưng chị Q không có văn bản phản hồi những ý kiến của anh Đ. Từ đó, xét thấy hôn nhân giữa anh Đ chị Q đã đến mức trầm trọng đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không Đ.

Về con chung: Anh Đ xác định anh và chị Q có 01 người con chung tên Lê Ánh X, sinh ngày 19/5/2020, hiện cháu đang sống cùng với anh Đ từ tháng 6/2021, khi chị Q bỏ nhà đi để con cho anh chăm sóc, nuôi dưỡng cháu vẫn phát triển tốt theo kết quả kiểm tra sức khỏe ngày 21/3/2023 thể hiện cháu vẫn phát triển bình thường. Xét thấy, trong quá trình tố tụng chị Q có yêu cầu được nuôi con, nhưng chị Q không chứng minh được điều kiện nuôi con và khi chị bỏ đi không chung sống với anh Đ, anh Đ là người trực tiếp nuôi cháu X từ khi 11 tháng tuổi đến nay. Theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom... Tuy nhiên, khi chị Q bỏ nhà đi đã để con lại cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng khi cháu X được hơn 11 tháng tuổi. Theo Án lệ số 54/2022/AL về xác định quyền nuôi con dưới 36 tháng tuổi, trong trường hợp người mẹ không chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, nên tiếp tục giao con cho anh Đ nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về tài sản chung không yêu cầu giải quyết.

Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 14; Điều 53; khoản 2 Điều 81; khoản 3 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Án lệ số 54/2022/AL, xử chấp nhận yêu cầu nguyên đơn về việc được ly hôn với c hị Vương Khắc Q. Về con chung: Giao cháu Lê Anh X trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, chị Q không phải cấp dưỡng nuôi con, do anh Đ không yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên đề nghị miễn xét.

Về án phí: Đề nghị áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí; buộc anh Lê Phát Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành thụ lý đơn đúng trình tự thủ tục, đúng thẩm giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, chị Q với tư cách là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại thị trấn Giồng Riềng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang. Đối với bị đơn Tòa án đã triệu tập bị đơn để tham gia phiên tòa theo quy định của pháp luật, nhưng bị đơn vắng mặt không vì lý do bất khả kháng. Căn cứ quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa anh Lê Phát Đ và chị Vương Khắc Q là hôn nhân hợp pháp đã tuân thủ đúng các điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 07/02/2020, tại Ủy ban nhân dân phường TN, quận BT, TP CT theo thẩm quyền đăng ký kết hôn quy định tại Điều 10 và Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Nguyên nhân dẫn đến ly hôn anh Đ cho rằng giữa anh và chị Q luôn bất đồng quan điểm sống và hiện tại chị Q cũng đã bỏ nhà đi không còn chung sống với anh, mục đích hôn nhân không Đ được, nay anh không còn tình cảm vợ chồng với chị Q. Đối với bị đơn Tòa án đã tiến hành thông báo các thủ tục tố tụng và triệu tập bị đơn tham gia phiên tòa nhưng bị đơn không có mặt và không cung cấp được tài liệu chứng về tình trạng hôn nhân giữa chị và anh Đ và đưa ra phương hướng để vợ chồng hàn

gắng tình cảm vợ chồng. Về phía anh Đ thì kiên quyết được ly hôn với chị Q dù đã được Hội đồng xét động viên. Từ đó, cho thấy cho thấy tình cảm vợ chồng giữa anh Đ và chị Q đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không Đ được. Trong thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu của ly hôn của anh Đ đối với chị Q.

[2.2]. Về con chung: Anh Đ và chị Q xác định anh chị có với nhau một người con chung Lê Ánh X, sinh ngày 19/5/2020, anh Đ yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu chị Q cấp dưỡng nuôi con. Trái lại chị Q có yêu cầu được nuôi con và yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định của rphasp luật. Hội đồng xét xử xét thấy cháu X hiện chuae đủ 36 tháng tuổi theo nguyên tắc giao cho mẹ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tuy nhiên theo lời khai và xác nhận của anh Đ và chị Q thì kể từ tháng 6/2021, chị Q đã bỏ nhà đi, không chung sống vợ chồng với anh Đ, chị đã để cháu X cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng và chị Q cũng chưa một lần đến thăm nom, chăm sóc cháu X. Mặc khác, quá trình cháu X sống cùng với anh Đ, cháu X vẫn phát triển tốt về thể chất lẫn tinh thần. Chị Q cũng không có ý kiến, hay chứng cứ cho rằng anh Đ không đảm bảo điều kiện nuôi con. Áp dụng Án lệ số 54/2022/AL về xác định quyền nuôi con dưới 36 tháng tuổi, trong trường hợp người mẹ không chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trong trường hợp này, Hội đồng xét xử thống nhất giao con cho anh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chị Q không phải cấp dưỡng nuôi con, do anh Đ không yêu cầu.

Chị Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4]. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, anh Lê Phát Đ phải chịu án phí hôn nhân gia đình là 300.000 đồng, khấu trừ tạm ứng án phí Đ đã nộp 300.000đ. Nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí anh Đ đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008327, ngày 10/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang. Anh Đ không phải nộp thêm tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39; Điều 144; Điều 147, Điều 227; Điều 228; Điều 235; 266; 271; 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Áp dụng Điều 51; 53; 56; 58; 81; 82; 83; 84; 110; 116; 117 và 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Án lệ số 54/2022/AL về xác định quyền nuôi con dưới 36 tháng tuổi, trong trường hợp người mẹ không chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Phát Đ được ly hôn với chị Vương Khắc Q.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Ánh X, sinh ngày 19/5/2020, cho anh Lê Phát Đ trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, chị Q không phải cấp dưỡng nuôi con, do anh Đ không yêu cầu.

Chị Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Án phí sơ thẩm: Anh Lê Phát Đ phải chịu 300.000 đồng, khấu trừ tạm ứng án phí Đ đã nộp 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí anh Đ đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008327, ngày 10/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang. Anh Đ không phải nộp thêm tiền án phí.

5. Quyền kháng cáo: Anh Lê Phát Đ có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối chị Q vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc

bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Giồng Riềng;
- CCTHADS huyện Giồng Riềng;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mỹ Nhân